TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 11-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa và ông Ngô Văn Quí

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L (còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị Hạnh), sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp HT, xã ĐT, huyện ThS, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp HT, xã ĐT, huyện ThS, tỉnh An Giang

(Theo Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 4 năm 2023)

- Bị đơn: Bà Trần Kim X, sinh năm 1967 và ông Trần Văn L1, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Số 132, ấp HT, xã ĐT, huyện ThS, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa: Ông Tính có mặt; bà X, ông L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trung Tính trình bày:

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 (nhằm mùng 02 tháng 11 năm 2020 âm lịch), bà Trần Kim X và ông Trần Văn L1 (là con ruột của bà X) vay của bà Nguyễn Thị Thu L (tên gọi khác là Nguyễn Thị Hạnh) số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, khi vay có làm biên nhận. Sau khi vay, bà X và ông L1 đóng lãi đến tháng 01/2023 thì ngưng không đóng nữa. Đến ngày 06/3/2023, bà X và ông L1 trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 95.000.000 đồng nợ gốc và lãi từ tháng 02/2023 đến nay, bà Linh đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà X, ông L1 không trả. Do đó, bà Linh khởi kiện yêu cầu bà X và ông L1 có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 95.000.000 đồng và tính lãi theo quy định từ tháng 02/2023 đến khi thanh toán xong.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trần Kim X và ông Trần Văn L1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà X, ông L1 vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà X, ông L1 cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho bà X, ông L1 biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà X, ông L1 không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trung T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định từ ngày 06/3/2023 đến khi thanh toán xong.

Bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà X, ông L1 vắng

mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc 95.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/3/2023 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ trả tiền vay, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cứ trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 vắng mặt không lý do; đồng thời, bà X, ông L1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà X, ông L1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ: Bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của bà Linh. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án

sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà L giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét nội dung "Biên nhận" do bà Nguyễn Thị Thu L cung cấp thể hiện nội dung bà Trần Kim X vay của bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 100.000.000 đồng ngày 02/11/2020 âm lịch, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, người cùng chịu trách nhiệm là ông Trần Văn L1 (con của bà X), biên nhận có chữ ký xác nhận của bà X, ông L1. Theo nguyên đơn, sau khi vay bà X, ông L1 đóng lãi đến tháng 01/2023 thì ngưng không tiếp tục đóng, đến ngày 06/3/2023 thì bà X, ông L1 trả được 5.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 95.000.000 đồng nợ gốc và lãi đến nay không thanh toán, mặc dù bà Linh nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà X, ông L1 nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có đủ cở sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi: Theo nội dung biên nhận hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%. Thấy rằng lãi suất do các bên thỏa thuận là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần điều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp là 20%/năm (tương đương 1,667%/tháng). Nguyên đơn trình bày sau khi vay bị đơn có đóng lãi đến tháng 01/2023 thì ngưng nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến đối với số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Theo nguyên đơn, đến ngày 06/3/2023 bị đơn có trả được một phần nợ gốc thì không thanh toán tiếp nên xác định đây là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Từ ngày 06/3/2023 đến khi Tòa án xét xử (11/7/2023) là 04 tháng 5 ngày, nguyên đơn tự nguyện tính tròn 4 tháng là có L1 cho bị đơn nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

95.000.000 đồng x 1,667%/tháng x 4 tháng = 6.334.600 đồng

Như vậy, bà X, ông L1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Linh số tiền nợ gốc và lãi là 101.334.600 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 288, 357, 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu L với bị đơn là bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1.

Buộc bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 101.334.600 *(Một trăm linh một triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm)* đồng. (Trong đó: Tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng; tiền lãi là 6.334.600 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim X, ông Trần Văn L1 phải chịu 5.066.730 *(Năm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi)* đồng tiền án phí sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu L được nhận lại 2.375.000 *(Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011680 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mỹ Linh